

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Phạm Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Nhật A; nơi ĐKKHTT: Số 5/16/33 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Tổ 14 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị B; ĐKKHTT và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Số 5/16/33 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Anh Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là anh Nguyễn Nhật A trình bày:

Anh Nguyễn Nhật A kết hôn với Chị Trần Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày

06 tháng 10 năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 9 năm 2023, chị B sang Anh Quốc sinh sống và làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, Nguyễn Nhật A và chị B không còn liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyễn Nhật A không biết địa chỉ cụ thể tại Anh Quốc của chị B nên không cung cấp cho Tòa án được. Anh được biết hiện nay chị B vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại cho mẹ đẻ của chị B là Bà Đinh Thị C. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên Nguyễn Nhật A làm đơn xin yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị Trần Thị B.

Về con chung: Anh Nguyễn Nhật A và Chị Trần Thị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyễn Nhật A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là Chị Trần Thị B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho Bà Đinh Thị C – là mẹ đẻ của Chị Trần Thị B. Tòa án đã thông báo cho Bà Đinh Thị C cung cấp địa chỉ cụ thể của Chị Trần Thị B ở **Anh Quốc** và yêu cầu Bà Đinh Thị C cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho Chị Trần Thị B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Nhật A cho Tòa án. Bà Đinh Thị C trình bày Chị Trần Thị B vẫn liên lạc qua điện thoại với gia đình nhưng bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Anh Quốc của Chị Trần Thị B cho Tòa án. Bà đã thông báo cho Chị Trần Thị B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên chị B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Chị B trao đổi qua điện thoại với bà như sau: Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Nguyễn Nhật A do xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại. Về con chung: Chị B và Nguyễn Nhật A không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Bà Đinh Thị C như sau:

Nguyễn Nhật A và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 10 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bà Đinh Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Nhật A được ly hôn Chị Trần Thị B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nguyễn Nhật A và chị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B, Nguyễn Nhật A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227, Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Nhật A được ly hôn Chị Trần Thị B. Về con chung: Nguyễn Nhật A xác nhận Nguyễn Nhật A và chị B không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Nguyễn Nhật A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Nhật A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Chị Trần Thị B. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Bị đơn là Chị Trần Thị B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Anh Quốc, nguyên đơn anh Nguyễn Nhật A hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Nhật A có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Chị Trần Thị B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho chị thông qua Bà Đinh Thị C nhưng chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật A và Chị Trần Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dur Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 10 năm 2020. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Nhật A và mẹ đẻ của chị B (Bà Đinh Thị C) thể hiện quá trình chung sống vợ chồng Nguyễn Nhật A, chị B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Dù hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà C trình bày qua trao đổi bằng điện thoại với bà, chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Nguyễn Nhật A do xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Nhật A đối với Chị Trần Thị B.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Nhật A xác nhận Nguyễn Nhật A và chị B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhật A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Nhật A và Chị Trần Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Nhật A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật A được ly hôn Chị Trần Thị B.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Nhật A xác nhận anh Nguyễn Nhật A và Chị Trần Thị B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhật A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000438 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Nhật A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Nhật A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyện

